

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Dũng và bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Tấn Bửu, Thư ký **Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu**, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn P**, sinh năm 1986; cư trú: **Số nhà E P, tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang** (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1984; nơi thường trú: **Số nhà E P, tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang**; Địa chỉ liên hệ: **Tổ D, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang** (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Huỳnh Văn P** trình bày: Năm 2014, anh **P** và chị **D**, tự tìm yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới. Sau đó anh **P** và chị **D** đăng ký kết hôn **UBND phường L, thị xã T, An Giang**, theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2015, quyển số: 1/2015 - ngày 05/02/2015. Cuộc sống chung có hạnh phúc đến tháng 06/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, từ đó cuộc sống chung không còn hạnh phúc, và đã ly thân từ tháng 06/2022 cho đến nay. Nay anh **P**, xét thấy

mâu thuẫn không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên nh P yêu cầu được ly hôn với chị D.

Trong thời kỳ hôn nhân, anh P và chị D có 02 (hai) người con chung tên Huỳnh Ngọc Lan V, sinh ngày 02/3/2014 và Huỳnh Nhật A, sinh ngày 26/7/2020. Hiện cháu V và cháu A đang sống cùng anh P. Sau khi ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 182/TB-TLVA ngày 21/3/2024 và các văn bản tố tụng khác cho chị Nguyễn Thị Ngọc D thông qua người thân là ông Nguyễn Thành L (ba ruột chị D) và cam kết báo lại cho chị D biết về việc anh P nộp đơn khởi kiện ly hôn với chị D nhưng đến nay, chị D không tham gia tố tụng và cung cấp văn bản ý kiến của mình cho Tòa án.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ: Xác minh mối quan hệ hôn nhân và gia đình (lấy lời khai ông Nguyễn Thành L); Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Lan V; xác minh nơi cư trú của chị D tại Công an phường L, thị xã T, cụ thể:

- Ông Nguyễn Thành L (cha ruột bà Nguyễn Thị Ngọc D) cho biết: Anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị Ngọc D là vợ chồng, việc vợ chồng P và D mâu thuẫn như thế nào thì ông L không biết, ông L chỉ biết cả hai phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2022, chị D đã đi làm ăn xa từ khoảng tháng 6/2023 cho đến nay. Vợ chồng P và D có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Ngọc Lan V và Huỳnh Nhật A, hiện các cháu đang sống cùng ông P.

- Cháu Huỳnh Ngọc Lan V trình bày: Cháu Lan V là con anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị Ngọc D. Cháu hiện đang chuẩn bị vào học lớp 5 trường tiểu học B. Hiện cháu đang sống cùng anh P, chi tiêu hàng ngày đều do anh P lo cho cháu. Nếu cha, mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng cha.

- Công an phường L, thị xã T cung cấp số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chị Nguyễn Thị Ngọc D có nơi thường trú (nơi ở hiện nay) khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, anh P kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị D và yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Lan V và Nhật A, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.



Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi họp và làm việc của Tòa án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **Huỳnh Văn P** với chị **Nguyễn Thị Ngọc D**.

- Về con chung: Anh **P** được nuôi dưỡng con chung tên **Huỳnh Ngọc Lan V**, sinh ngày 02/3/2014 và **Huỳnh Nhật A**, sinh ngày 26/7/2020; chị **D** không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Anh **P** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *\* Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Anh **Huỳnh Văn P** khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị **Nguyễn Thị Ngọc D**. Chị **D** có nơi cư trú **ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang**. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc D** được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *\* Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, anh **P** và chị **D**, tự tìm yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới. Sau đó anh **P** và chị **D** đăng ký kết hôn **UBND phường L, thị xã T, An Giang**, theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2015, quyền số: 1/2015 - ngày 05/02/2015 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh **P** và chị **D** là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Anh **P** khai, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 06/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ đó cuộc sống chung không còn hạnh phúc, và đã ly thân từ tháng 06/2022 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh **P** kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị **D**.

Theo kết quả xác minh (lấy lời khai bà **Nguyễn Thành L**): Anh **Huỳnh Văn P** và chị **Nguyễn Thị Ngọc D** là vợ chồng, việc vợ chồng **P** và **D** mâu thuẫn như thế nào thì ông **L** không biết, ông **L** chỉ biết cả hai phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2022, chị **D** đã đi làm ăn xa từ khoảng tháng 6/2023 cho đến nay.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Vợ chồng anh **P** và chị **D** đã sống xa nhau hơn một năm nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh **P** và chị **D** hàn gắn tình cảm, nhưng chị **D** vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng anh **P** và chị **D** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho anh **P** ly hôn với chị **D** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh **P** và chị **D** có 02 (hai) người con chung tên **Huỳnh Ngọc Lan V**, sinh ngày 02/3/2014 và **Huỳnh Nhật A**, sinh ngày 26/7/2020. Hiện cháu **V** và cháu **A** đang sống cùng ông **P**. Sau khi ly hôn ông **P** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu **Lan V** có nguyện vọng sống chung với anh **P**.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của cháu **V** và cháu **N**, cuộc sống của các cháu cũng ổn định. Xét, giao cháu **V** và cháu **N** cho anh **P** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh **P** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị **D** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **P** khai, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí, **Anh P1** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp. Chị



**D** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Huỳnh Văn P.**

Anh **Huỳnh Văn P** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Ngọc D.**

Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2015, quyển số: 1/2015 do Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 2015 cho anh **Huỳnh Văn P** và chị **Nguyễn Thị Ngọc D** không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Anh **Huỳnh Văn P** được tiếp tục nuôi dạy con chung tên **Huỳnh Ngọc Lan V**, sinh ngày 02/3/2014 và **Huỳnh Nhựt A**, sinh ngày 26/7/2020 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị **D** không phải cấp nuôi con chung.

Anh **P** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị **D** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí: Anh **Huỳnh Văn P** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007861 ngày 19/03/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh **P** đã nộp đủ án phí.

Chị **Nguyễn Thị Ngọc D** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

[4] *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh **P** có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của chị **D** là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dương**